

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **13/2024/LĐ-ST**

Ngày: 24- 9 - 2024

V/v tranh chấp bảo hiểm xã hội

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Thị Hằng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Hoàng Minh Tuấn**

2. Bà **Nguyễn Thị Hồng Thanh**

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Hiếu - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Hoài - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một xét xử sơ thẩm công khai vụ án lao động thụ lý số 33/2024/TLST-LĐ ngày 24 tháng 6 năm 2024 về việc “Tranh chấp bảo hiểm xã hội” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2024/QĐXXST-LĐ ngày 04 tháng 9 năm 2024, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Lê Tấn Đ, sinh năm 1990; nơi thường trú: Nhơn Thọ A, xã N, huyện P, thành phố Cần Thơ; nơi tạm trú: Tổ A, Khu phố A, phường H, thị xã P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

2. *Bị đơn:* Công ty TNHH MTV C; trụ sở: Tầng E, tòa nhà B, số B Đại lộ B, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Bà Trần Thị Thùy L, sinh năm 1993; địa chỉ: Tầng E, tòa nhà B, số B Đại lộ B, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương là người đại diện theo ủy quyền của Công ty TNHH MTV C (theo văn bản ủy quyền ngày 08/7/2024), có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bảo hiểm xã hội tỉnh B;* địa chỉ: Số A đường L, Khu phố B, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Thắng L1- chức vụ: Phó trưởng phòng thanh tra- Kiểm tra Bảo hiểm xã hội tỉnh Bình Dương, là người đại diện theo ủy quyền của Bảo hiểm xã hội tỉnh B (theo văn bản ủy quyền ngày 17/9/2024), có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại Đơn khởi kiện đề ngày 06/6/2024, nguyên đơn ông Lê Tấn Đ trình bày: Ông Lê Tấn Đ làm việc tại Công ty TNHH MTV C (gọi tắt là Công ty C) và ký hợp đồng lao động, tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp từ tháng 6/2022 theo mã số bảo hiểm xã hội 7914183270. Đến ngày 01/7/2023 ông Đ và Công ty tiếp tục ký hợp đồng lao động xác định thời hạn từ ngày 01/7/2023 đến ngày 30/9/2025, với mức lương 7.496.650đ/tháng. Đến ngày 01/3/2024 ông Đ nghỉ việc theo Quyết định chấm dứt hợp đồng lao động số 10003634-2024/QĐTV-VFP nhưng cho đến nay Công ty vẫn chưa chốt sổ BHXH cho ông Đ, thậm chí Công ty chậm đóng bảo hiểm cho ông Đ là 03 tháng.

Việc Công ty C không đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, không hoàn thành thủ tục xác nhận thời gian đóng BHXH, BHTN là ảnh hưởng đến quyền lợi của ông Đ nên ông Đ khởi kiện yêu cầu Công ty C đóng BHXH, BHTN cho ông Đ từ tháng 12/2023 đến tháng 02/2024 và hoàn thành thủ tục xác nhận thời gian đóng BHXH, BHTN.

- Công ty TNHH MTV C (gọi tắt là Công ty C) do bà Trần Thị Thùy L làm đại diện trình bày: Ông Lê Tấn Đ làm việc tại Công ty TNHH MTV C (gọi tắt là Công ty C) từ ngày 04/6/2022 đến ngày 29/02/2024 thông qua 02 hợp đồng lao động là Hợp đồng ngày 04/6/2022 và Hợp đồng lao động ngày 01/7/2023; công việc: Công nhân sản xuất; mức lương: 7.496.650đ. Sau khi nhận được đơn nghỉ việc của ông Đ thì ngày 01/3/2024 Công ty ban hành Quyết định chấm dứt hợp đồng lao động số 10003634-2024/QĐTV-VFP với ông Đ.

Theo như bảng chi tiết kết quả đóng BHXH, BHYT, BHTN, BHTNLĐ&BNN ngày 01/4/2024 của Bảo hiểm xã hội tỉnh B xác nhận Công ty đã đóng BHXH cho ông Đ đến tháng 11/2023; đóng BHTN BHYT, BHTNLĐ&BNN đến tháng 02/2024. Riêng BHXH từ tháng 12/2023 đến tháng 02/2024 với số tiền 5.622.488đ Công ty C chưa đóng cho ông Đ. Việc Công ty C1 thực hiện đóng BHXH cho ông Đ là do trong thời gian trên Công ty gặp nhiều khó khăn trong quá trình hoạt động kinh doanh, làm ăn thua lỗ. Hiện Công ty đang sắp xếp thanh toán các nghĩa vụ tài chính cho người lao động, cơ quan nhà nước và nhà cung cấp nhưng vì ngưng hoạt động kinh doanh nên Công ty không có doanh thu để thực hiện. Nay qua yêu cầu khởi kiện của ông Đ thì Công ty có ý kiến như sau:

Công ty C đã thực hiện việc đóng BHTN BHYT, BHTNLĐ&BNN cho ông Đ đến tháng 02/2024. Công ty chỉ chưa đóng BHXH từ tháng 12/2023 đến tháng 02/2024 với số tiền 5.622.488đ, Công ty sẽ sắp xếp để hoàn thành việc đóng BHXH cho ông Đ trong thời gian sớm nhất.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bảo hiểm xã hội tỉnh B do ông Nguyễn Thắng L1 làm đại diện: Ông L1 không có ý kiến trình bày, chỉ có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu:

+ Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến khi khai mạc phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Thư ký đã tiến hành đúng, đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định. Đại diện nguyên đơn đã chấp hành đúng và đầy đủ về quyền, nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa chấp hành đúng và đầy đủ về quyền, nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định pháp luật. Kiểm sát viên không kiến nghị khắc phục hay bổ sung gì khác.

+ Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Tấn Đ với bị đơn Công ty TNHH MTV C về việc tranh chấp bảo hiểm xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về tố tụng:*

[1.1] *Về thẩm quyền:* Yêu cầu khởi kiện của ông Lê Tấn Đ là loại việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Do bị đơn có nơi cư trú tại thành phố T, tỉnh Bình Dương nên thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một theo quy định điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] *Về việc tham gia của đương sự tại phiên tòa:* Nguyên đơn ông Lê Tấn Đ, đại diện bị đơn bà Trần Thị Thùy L và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bảo hiểm xã hội tỉnh B do ông Nguyễn Thắng L1 làm đại diện, có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đương sự nêu trên theo quy định tại các Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy:*

[2.1] *Đối với tiền Bảo hiểm xã hội:*

Ông Đ cho rằng: Ngày 01/3/2024 ông Đ đã nghỉ việc tại Công ty C theo Quyết định chấm dứt hợp đồng lao động số 10003634-2024/QĐTV-VFP. Sau khi nghỉ việc ông Đ biết được Công ty không đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, không hoàn thành thủ tục xác nhận thời gian đóng BHXH, BHTN từ 12/2023 đến tháng 02/2024 nên ông Đ khởi kiện yêu cầu Công ty C đóng BHXH, BHTN cho ông Đ từ tháng 12/2023 đến tháng 02/2024 và hoàn thành thủ tục xác nhận thời gian đóng BHXH, BHTN.

Đại diện bị đơn cho rằng: Ngày 01/3/2024 Công ty C ban hành Quyết định chấm dứt hợp đồng lao động số 10003634-2024/QĐTV-VFP với ông Đ theo đơn xin nghỉ việc của ông Đ. Quá trình tham gia đóng bảo hiểm cho ông Đ, Công ty C đã thực hiện việc đóng BHTN BHYT, BHTNLD&BNN cho ông Đ đến tháng 02/2024. Tuy nhiên, từ tháng 12/2023 đến tháng 02/2024 do Công ty G nên chưa đóng BHXH cho ông Đ với số tiền 5.622.488đ. Phía Công ty sẽ sắp xếp để hoàn thành việc đóng BHXH cho ông Đ trong thời gian sớm nhất.

Xét thấy: Theo như Công văn số 1803/BHXH-TST ngày 22/8/2024 của Bảo hiểm xã hội tỉnh B thì Công ty C chưa thanh toán tiền BHXH cho ông Lê Tấn Đ1, sinh ngày 26/5/1990, số CCCD: 092090000915, mã số BHXH: 7914183270 đến tháng 02/2024 với số tiền 7.525.944đ (bao gồm cả tiền lãi chậm đóng), số tháng nợ là 03 tháng. Tại bản tự khai ngày 16/7/2024, bị đơn cũng xác nhận chưa đóng BHXH cho ông Đ1 từ tháng 12/2023 đến tháng 02/2024.

Theo quy định tại khoản 3 Điều 18 Nghị định 115/2015/NĐ-CP ngày 11/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của luật bảo hiểm xã hội về bảo hiểm xã hội bắt buộc thì “*Người sử dụng lao động có trách nhiệm đóng đủ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bao gồm cả tiền lãi chậm đóng theo quy định đối với người lao động đủ điều kiện hưởng bảo hiểm xã hội hoặc chấm dứt hợp đồng lao động, hợp đồng làm việc để kịp thời giải quyết chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp cho người lao động*”.

Như vậy, trong thời gian làm việc tại Công ty C, ông Đ1 đóng bảo hiểm đầy đủ, phía Công ty đã trừ tiền lương hàng tháng của ông Đ1 nhưng không trích nộp tiền BHXH cho ông Đ1, không xác nhận thời gian đóng BHXH cho ông Đ1 là vi phạm pháp luật và làm ảnh hưởng đến quyền lợi của ông Đ1 theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 48 Bộ luật Lao động năm 2019.

Bị đơn xác định chưa đóng bảo hiểm xã hội cho ông Đ1 từ tháng 12/2023 đến tháng 02/2024 nhưng chỉ đồng ý đóng với số tiền 5.622.488đ là không đúng vì theo quy định tại điểm 1.2 khoản 72 Điều 1 Quyết định số 505/QĐ-BHXH ngày 23/7/2020 của B thì “*Đối với đơn vị nợ tiền đóng BHXH, BHTN, BHTNLD, BNN, nếu người lao động đủ điều kiện hưởng BHXH hoặc chấm dứt HĐLĐ, HĐLV thì đơn vị có trách nhiệm đóng đủ BHXH, BHTN, BHTNLD, BNN, bao gồm cả tiền lãi chậm đóng theo quy định, cơ quan BHXH xác nhận số BHXH để kịp thời giải quyết chế độ BHXH, BHTN cho người lao động...*”. Do Công ty C không thực hiện việc đóng BHXH cho ông Đ1 nên ngoài việc phải đóng tiền BHXH thì Công ty C phải có trách nhiệm nộp tiền lãi chậm đóng cho cơ quan bảo hiểm theo quy định tại Điều 21 Luật Bảo hiểm xã hội và tại điểm 1.2 khoản 72 Điều 1 Quyết định số 505/QĐ-BHXH ngày 23/7/2020 của B. Theo như Công văn trả lời của Bảo hiểm xã hội tỉnh B thì Công ty C chưa thanh toán tiền BHXH cho ông Đ1 đến tháng 02/2024 với số tiền 7.525.944đ (bao gồm cả tiền lãi chậm đóng).

Do đó, việc nguyên đơn yêu cầu bị đơn Công ty C phải đóng đủ BHXH cho ông Đ1 từ tháng 12/2023 đến tháng 02/2024 là có căn cứ chấp nhận.

[2.1] *Đối với tiền Bảo hiểm thất nghiệp*: Nguyên đơn ông Đ1 yêu cầu Công ty C đóng đủ BHTN cho ông Đ1 từ tháng 12/2023 đến tháng 02/2024. Tuy nhiên, phía bị đơn xác định đã đóng đủ BHTN cho ông Đ1 đến tháng 02/2024. Theo Công văn số 1803/BHXH-TST ngày 22/8/2024 của Bảo hiểm xã hội tỉnh B cũng xác định Công ty C chỉ chưa đóng BHXH cho ông Đ1 đến tháng 02/2024, số tháng nợ là 03 tháng. Như vậy, có căn cứ xác định Công ty C đã đóng đủ BHTN cho ông Đ1 nên việc ông Đ1 yêu cầu Công ty C đóng BHTN cho ông Đ1 từ tháng 12/2023 đến tháng 02/2024 là không có căn cứ chấp nhận.

[3] Từ những phân tích trên có căn cứ chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc Công ty C đóng bảo hiểm xã hội cho ông Đ1 tháng 12/2023 đến tháng 02/2024. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện đối với tiền bảo hiểm thất nghiệp.

[4] Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa về tố tụng và quan điểm giải quyết vụ án là có cơ sở.

[5] Về án phí sơ thẩm: Công ty C phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147; Điều 244; Điều 266 và Điều 271 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ Điều 48 của Bộ luật Lao động;

Căn cứ khoản 2 Điều 21, Điều 23 Luật Bảo hiểm xã hội năm 2014;

Căn cứ Nghị định 115/2015/NĐ-CP ngày 11/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của luật bảo hiểm xã hội về bảo hiểm xã hội bắt buộc.

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Tấn Đ với bị đơn Công ty TNHH MTV C về việc “*Tranh chấp bảo hiểm xã hội*”.

Buộc Công ty TNHH MTV C có nghĩa vụ đóng bảo hiểm xã hội từ tháng 12/2023 đến tháng 02/2024 theo mã số bảo hiểm xã hội số 7914183270 tại Cơ quan Bảo hiểm xã hội tỉnh Bình Dương và hoàn thành thủ tục xác nhận thời gian đóng bảo hiểm xã hội cho ông Lê Tấn Đ theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm thanh toán số tiền nêu trên thì hàng tháng còn phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2. Không chấp nhận phần yêu cầu khởi kiện của ông Lê Tấn Đ về việc yêu cầu Công ty TNHH MTV C đóng bảo hiểm thất nghiệp.

3. Về án phí lao động sơ thẩm: Công ty TNHH MTV C phải chịu 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng).

4. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Thủ Dầu Một;
- Chi cục thi hành án dân sự TP TDM;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hồ Thị Hằng